

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 02 tháng 5 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDĐT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
I	Thị xã Gia Nghĩa			7.091,090			6.848,033	96,57		
1	Hồ Nam Dã	Đắk Nia	8,20	1.082,400	Tự do	-0,90	1.044,322	96	Đảm bảo	
2	Hồ Chế Biên	Đắk Nia	4,00	689,800	Tự do	-0,35	676,497	98	Đảm bảo	
3	Hồ Fai Kôl Poul Đãng	Đắk Nia	5,40	230,000	Tự do	-0,95	223,391	97	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đỏ)	Đắk Nia	4,70	426,600	Tự do	-1,23	396,484	93	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	7,41	790,100	Tự do	-1,40	743,478	94	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	6,00	355,690	Tự do	-0,80	338,310	95	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	8,40	306,190	Tự do	-1,20	286,244	93	Đảm bảo	
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	3,00	574,500	Tự do	-1,20	567,577	99	Đảm bảo	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	5,50	772,160	Tự do	-0,75	721,839	93	Đảm bảo	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	5,10	68,900	Tự do	-1,80	59,108	86	Đảm bảo	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	3,10	603,750	Cửa van	0,00	603,750	100	Đảm bảo	
12	Hồ Tổ 5	Nghĩa Trung	4,00	300,000	Tự do	0,00	300,000	100	Đảm bảo	
13	Hồ Tổ 6	Nghĩa Trung	4,50	286,000	Tự do	-0,30	281,152	98	Đảm bảo	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	4,95	605,000	Tự do	0,10	605,880	100	Đảm bảo	
II	Huyện Krông Nô			22.234,310			15.447,450	69,48		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rô	Đắk Đ'rô	18,00	12.230,000	Cửa van	-7,90	8.485,160	69	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3,60	3.600,000	Tự do	-1,65	3.096,610	86	Đảm bảo	
3	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	4,00	3.264,920	Tự do	- 3,30	2.093,810	64	Không đảm bảo	
4	Hồ Đắk Hou	Năm N'Dir	1,50	456,900	Tự do	-1,00	418,510	92	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Pok	Năm N'Dir	2,50	846,000	Tự do	-0,90	719,100	85	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	2,00	695,000	Tự do	-1,80	489,920	70	Đảm bảo	
7	Hồ Buôn Rạp	Nam Nung	5,10	598,520	Tự do	<MNC	76,000	13	Không đảm bảo	
8	Hồ Buôn Dơng	Quảng Phú	3,17	173,870	Tự do	<MNC	23,010	13	Không đảm bảo	
9	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	7,10	369,100	Tự do	<MNC	45,330	12	Đảm bảo	
10	Trạm Bơm Đắk Rền	Năm N'Dir							Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1	Năm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1A	Năm N'Dir				Kiểm			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 2	Năm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 3	Năm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 4	Năm N'Dir				Kiểm			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 5	Năm N'Dir				Kiểm			Không đảm bảo	
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách				1,50			Đảm bảo	
12	Trạm bơm D12 Buôn Suk	Quảng Phú				1,50			Đảm bảo	
III	Huyện Đắk Song			12.611,230			10.851,566	86,05		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	5,00	1.717,660	Tự do	-1,50	1.288,245	75	Đảm bảo	
2	Hồ Sinh Muồng	Thuận Hạnh	3,00	1.431,000	Tự do	0,00	1.431,000	100	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Kuál	Đắk N'Drung	7,77	1.230,700	Cửa van	-0,95	1.082,704	88	Đảm bảo	
4	Đập Đắk Nhai	Trường Xuân	8,01	1.064,700	Tự do	-0,80	963,300	90	Đảm bảo	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	5,00	115,000	Tràn giềng	-1,90	72,157	63	Không đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	4,50	759,000	Tự do	-0,35	687,203	91	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk RLon	TT Đức An	8,80	907,670	Cửa van	-0,32	876,440	97	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Mruông	TT Đức An	5,70	321,500	Tràn giềng	-3,60	148,750	46	Không đảm bảo	
9	CTTL Đắk Lép	Năm N'Jang	7,00	641,800	Tự do	-0,65	586,180	91	Đảm bảo	
10	Thủy lợi Năm N'Jang	Năm N'Jang	4,40	563,950	Cửa van	-0,30	529,420	94	Đảm bảo	
11	Hồ Đắk Pông Bê	Đắk N'Drung	6,80	748,800	Tự do	-1,10	635,967	85	Đảm bảo	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'Drung	4,50	252,000	Tự do	-1,30	161,000	64	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'Drung	4,20	145,000	Tự do	0,05	142,825	99	Đảm bảo	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'Drung	3,20	135,000	Cửa van	-0,50	114,750	85	Không đảm bảo	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'Drung	3,20	114,000	Tự do	-0,30	98,455	86	Không đảm bảo	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	6,00	262,000	Tự do	-1,80	193,652	74	Không đảm bảo	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	8,70	742,600	Cửa van	-1,00	661,000	89	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Mruong	Thuận Hạnh	2,70	479,950	Tự do	-0,20	444,398	93	Đảm bảo	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	4,70	455,900	Tràn giềng	-0,80	379,920	83	Không đảm bảo	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	5,30	249,500	Tự do	-2,00	162,170	65	Không đảm bảo	
21	CTTL Đắk Cai	Trường Xuân	3,90	273,500	Tự do	-1,40	192,030	70	Không đảm bảo	
IV	Huyện Tuy Đức		-	13.566,020			10.683,950	78,76		
1	Hồ Đắk R'Tih	Đắk R'Tih	6,00	2.224,000	Tự do	-0,75	1.996,750	90	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	3,53	1.081,000	Tự do	-1,20	831,880	77	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Ria	Đắk R'Tih	3,60	1.049,000	Tự do	-1,00	682,000	65	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trục	4,70	313,300	Tự do	-0,30	292,900	93	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Huyết	Quảng Trục	8,40	390,000	Tự do	-1,00	307,100	79	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Bliêng	Đắk R'Tih	3,20	709,000	Cửa van	-3,00	208,000	29	Không đảm bảo	Đang thực hiện điều tiết nước từ hồ Đắk Bu Rley
7	Đập Bon Đắk Bu Lum	Quảng Trục	5,50	138,470	Tự do	-1,00	102,470	74	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Ké 2	Quảng Trục	6,90	403,700	Tự do	-1,00	320,700	79	Không đảm bảo	
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trục	5,00	107,900	Tự do	0,05	107,900	100	Đảm bảo	
10	Hồ Doãn Văn	Đắk R'Tih	3,90	728,400	Tự do	-1,50	383,400	53	Không đảm bảo	
11	Đập Đắk Bu Rley	Đắk R'Tih	5,00	115,520	Tự do	-0,50	100,220	87	Đảm bảo	
12	Hồ Đắk BLung	Đắk Buk Sor	5,70	562,300	Tự do	-0,70	422,370	75	Đảm bảo	
13	Đập Đắk Glun 1	Đắk Ngo	7,13	460,800	Tự do	-0,90	358,200	78	Đảm bảo	
14	Đập Đắk Glun 2	Đắk Ngo	8,00	460,800	Tự do	-0,30	429,600	93	Đảm bảo	
15	Đập Đắk Glun 3	Đắk Ngo	8,00	562,500	Tự do	-0,70	482,000	86	Đảm bảo	
16	Đập Đắk Rma	Đắk Buk Sor	3,90	335,800	Tự do	-0,01	333,000	99	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNCBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
17	Đập Đắk Huýt 4	Quảng Trục	4,30	377,830	Tự do	-1,50	137,830	36	Đảm bảo	
18	Đập D2	Quảng Trục	7,00	815,000	Tự do	0,05	815,000	100	Đảm bảo	
19	Hồ Số 1	Đắk Ngo	4,58	650,000	Tự do	-0,60	585,000	90	Đảm bảo	
20	Hồ Số 2	Đắk Ngo	48,39	287,000	Tự do	-1,70	229,600	80	Đảm bảo	
21	Hồ Số 3	Đắk Ngo	5,06	311,000	Tự do	-1,70	248,800	80	Đảm bảo	
22	Hồ Số 4	Đắk Ngo	5,00	252,000	Tự do	-1,80	201,600	80	Đảm bảo	
23	Hồ Đắk Tiên Tranh	Đắk Búk So	4,10	1.230,700	Tự do	-1,15	1.107,630	90	Đảm bảo	
V Huyện Đắk RLấp				27.037,690			24.011,910	88,81		
1	Hồ Đắk RTang	Kiến Thành	4,00	1.340,000	Tự do	-0,85	1.228,630	92	Đảm bảo	
2	Hồ Thôn 2 (Đắk Sin)	Đắk Sin	3,80	1.213,250	Cửa van	-0,79	1.119,778	92	Đảm bảo	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	14,00	8.090,000	Tự do	-5,70	6.367,329	79	Đảm bảo	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	4,50	452,000	Cửa van	-0,40	424,388	94	Đảm bảo	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	9,10	1.103,000	Tự do	-0,40	1.084,420	98	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Cồn	Đạo Nghĩa	4,80	773,810	Tự do	-0,65	707,640	91	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Sinh (Hồ thôn 5)	Đắk Sin	3,50	1.164,440	Tự do	-0,03	1.158,000	99	Đảm bảo	
8	Thủy lợi Bàu Muối	Nhân Đạo	4,84	938,900	Tự do	-2,00	815,180	87	Đảm bảo	
9	Hồ Đắk Nêr	Nhân Đạo	6,10	1.000,700	Tự do	-0,25	983,635	98	Đảm bảo	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	6,50	461,300	Tự do	-0,25	455,990	99	Đảm bảo	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	5,40	183,600	Tự do			0	Đảm bảo	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	6,50	403,030	Tự do	-0,30	394,370	98	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 5	Đắk Sin	4,80	702,070	Tự do	-0,40	680,860	97	Đảm bảo	
14	Đập Thôn 5	Đắk Sin	6,90	745,000	Tự do	-0,66	694,289	93	Đảm bảo	
15	Hồ Đắk Sin	Đắk Sin	3,40	686,060	Tự do	-1,00	622,900	91	Đảm bảo	
16	Hồ Đắk Blao	TT Kiến Đức	4,00	264,480	Tự do	-0,40	246,800	93	Đảm bảo	
17	Thủy lợi Đa Dung	TT Kiến Đức	8,60	289,400	Tự do	-0,85	277,360	96	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk RMur	Nhân Đạo	6,90	764,350	Tự do	-2,00	663,239	87	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk Rsung	Nhân Đạo	5,40	494,000	Tự do	-0,20	487,521	99	Đảm bảo	
20	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	6,77	916,700	Tự do	-1,35	825,764	90	Đảm bảo	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	6,00	350,000	Tự do	-0,20	347,040	99	Đảm bảo	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	6,60	517,000	Tự do	-0,10	514,350	99	Đảm bảo	
23	Thủy lợi Đắk Xá	Quảng Tín	4,10	408,100	Tự do	-2,70	318,830	78	Đảm bảo	
24	Hồ Đắk Ru I	Đắk Ru	3,20	422,000	Tự do	0,00	422,000	100	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Ru II	Đắk Ru	6,00	458,900	Tự do	-0,50	446,320	97	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Tát	Hưng Bình	5,00	544,000	Tự do	-1,50	446,821	82	Đảm bảo	
27	Đập thôn 8 Đắk Sin	Hưng Bình	4,30	418,100	Cửa van	-0,60	392,440	94	Đảm bảo	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	6,60	610,300	Tự do	-0,30	596,540	98	Đảm bảo	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	4,00	120,000	Tự do	-0,25	118,528	99	Đảm bảo	
30	Hồ Bon Bô Ja Rá	Nghĩa Thắng	5,40	494,000	Tự do	0,10	494,000	100	Đảm bảo	
31	Hồ Đắk Krung	Đắk Wer	1,70	532,000	Tự do	-0,30	509,801	96	Đảm bảo	
32	Đập Đắk Jeng Tung	Kiến Thành	5,50	177,200	Cửa van	-0,60	167,15	94	Đảm bảo	
VI Huyện Đắk GLong				11.656,600			9.623,490	82,56		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	3,50	1.200,000	Tự do	0,05	1.200,000	100	Đảm bảo	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	4,00	1.098,450	Tự do	-0,95	942,650	86	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Hlang	Quảng Khê	7,70	524,170	Tự do	-0,55	473,570	90	Đảm bảo	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	2,50	190,000	Tự do	0,15	198,550	105	Đảm bảo	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	9,60	568,800	Tự do	-0,62	532,840	94	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơr)	Quảng Khê	2,17	410,300	Tự do	0,00	410,300	100	Đảm bảo	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	8,50	356,320	Tự do	-0,60	317,320	89	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Srê	Quảng Khê	4,30	732,900	Tự do	-1,65	424,350	58	Đảm bảo	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	2,00	350,000	Tự do	-0,55	325,800	93	Đảm bảo	
10	CTTL N'Jer	Quảng Khê	8,27		Tự do	-0,81			Đảm bảo	
11	Hồ Bảs Rai	Quảng Khê	3,50		Tự do	-1,77			Đảm bảo	
12	Hồ Bì Zê Rê	Đắk Som	8,00	332,700	Tự do	-0,60	296,700	89	Đảm bảo	
13	Hồ BĐong	Đắk Som	2,50	400,000	Tự do	0,00	400,000	100	Đảm bảo	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắk Som	8,40	241,400	Tự do	-4,30	65,100	27	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
15	Hồ Chum Ia	Đắk Som	3,00		Tự do	-0,40			Đảm bảo	
16	Hồ Thôn 1	Đắk Ha	7,80	84,000	Tự do	-0,80	68,000	81	Đảm bảo	
17	Hồ Đắk Bông	Đắk Ha	8,10	165,120	Tự do	-0,70	143,420	87	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Ha	Đắk Ha	8,00	691,000	Tự do	-1,50	578,500	84	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk R'Tiêng	Đắk Ha	8,30	169,340	Tự do	-0,60	150,080	89	Đảm bảo	
20	Hồ Trang Ba	Đắk Ha	4,50	270,000	Tự do	-2,75	189,000	70	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
21	Hồ Đắk Snao	Đắk R'măng	2,90	594,800	Tự do	-0,40	504,000	85	Đảm bảo	
22	Hồ Đa Hang Lang	Đắk R'măng	3,50		Tự do	-0,65			Đảm bảo	
23	Hồ Đèo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	6,50	240,000	Tự do	-3,20	63,680	27	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
24	Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	3,00	560,250	Tự do	-2,55	302,700	54	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	7,90	145,000	Tự do	-1,85	89,800	62	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Snao 3	Quảng Sơn	3,50	620,520	Tự do	0,00	620,520	100	Đảm bảo	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	8,06	625,500	Tự do	-1,60	436,400	70	Đảm bảo	
28	Thủy lợi Đắk Nder 2	Quảng Sơn	3,80	456,030	Tự do	-0,80	320,190	70	Đảm bảo	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	2,50	370,000	Tự do	-0,27	326,260	88	Đảm bảo	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	2,00	260,000	Tự do	-0,28	243,760	94	Đảm bảo	
VII Huyện Đắk Mil				20.262,220			11.495,205	56,73		
1	Công trình hồ Đắk Săk	Đức Minh	10,00	7.747,500	Tự do	-3,85	4.149,675	54	Đảm bảo	
2	Hồ Tây	TT Đắk Mil	3,85	2.830,480	Tự do	-1,40	1.678,227	59	Đảm bảo	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	4,00	620,000	Tự do	-2,55	197,368	32	Không đảm bảo	Cuối vụ
4	Công trình Đập Đắk Puer	Thuận An	4,00	350,000	Cửa van	-3,10	74,100	21	Không đảm bảo	Cuối vụ
5	Công trình Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	5,20	498,000	Cửa van	-3,20	136,154	27	Đảm bảo	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	6,55	513,960	Tự do	-1,00	420,908	82	Đảm bảo	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	3,40	618,680	Cửa van	-1,63	218,213	35	Đảm bảo	
8	Công trình hồ Đắk Sai	Đắk Lao	8,00	133,400	Cửa van	-2,60	88,439	66	Đảm bảo	
9	Công trình hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	4,56	91,600	Cửa van	-4,80	26,564	29	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
10	Công trình hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	3,00	30,000	Tự do	-1,20	10,800	36	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 2,3,4
11	Công trình hồ Đắk Louu	Đắk Lao	8,50	55,000	Tự do	0,00	55,000	100		Cả phê thiếu đợt 3,4
12	Công trình Đắk Rla	Đắk N'DRót	4,00	165,000	Tự do	-1,80	63,300	38	Đảm bảo	
13	Công trình Hồ Rv I	Đắk Rla	8,00	283,500	Cửa van	-2,00	177,650	63	Đảm bảo	
14	Công trình Hồ Rv II	Đắk Rla	12,70	1.314,050	Cửa van	-3,80	791,206	60	Đảm bảo	
15	Công trình Đắk NDRót	Đắk N'DRót	7,50	220,000	Tự do	-4,10	71,232	32	Đảm bảo	
16	Công trình Đắk Láp	Đắk Găn	4,00	165,000	Tự do	-3,00	22,500	14	Đảm bảo	
17	Công trình Đắk Goun	Đắk N'DRót	3,70	192,300	Cửa van	-2,47	61,505	32	Đảm bảo	
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	2,50	50,000	Cửa van	-0,32	38,019	76	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDĐT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắk Mil	3,00	37,500	Tự do	0,90	18,741	50	Không đảm bảo	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	2,00	30,000	Tự do	-1,36	3,072	10	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
21	Đập ông Hiền	Đức Minh	3,00	30,000	Tự do	-1,50	7,500	25	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
22	Hồ E29	Đắk Sắk	2,00	720,000	Tự do	0,01	720,000	100	Đảm bảo	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	2,00	45,000	Tự do	-0,20	39,200	87	Đảm bảo	
24	Hồ Bu Đắk	Thuận An	4,00	475,000	Tự do	-0,75	369,531	78	Đảm bảo	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	7,00	315,000	Tự do	-3,40	83,314	26	Đảm bảo	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	6,00	285,000	Tự do	-1,80	159,900	56	Đảm bảo	
27	Hồ Lâm trường Đắk Gân	Đắk Gân	4,00	61,250	Tự do	-3,42	4,991	8	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
28	Hồ Thác Hòn	Đức Mạnh	10,00	1,275,000	Tự do	-2,95	867,310	68	Đảm bảo	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	4,80	288,000	Tự do	-0,50	231,125	80	Đảm bảo	
30	Hồ Đội 1	Đắk Lao		600,000	Tự do	-0,10	580,167	97	Đảm bảo	
31	Hồ Đội 35	Đắk Lao		110,000	Tự do	-0,25	102,138	93	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
32	Hồ Đội 40	Đắk Lao		102,000	Tự do	-2,35	17,356	17	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
33	Thị Hoàng	Đắk Sắk	4,80	10,000	Tự do	0,04	10,000	100	Đảm bảo	
VIII	Huyện Cư Jút			12.110,150			1.663,540	13,74		
1	Hồ Đắk Diên	Cư Knia	6,40	5.500,600	Tự do	-4,20	1.132,950	21	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Đrông	Đắk Đrông	4,00	3.766,700	Cửa van	<MNC	72,440	2	Không đảm bảo	Cuối vụ
3	Hồ Buôn Buô	Tầm thưng	1,40	298,520	Cửa van	-3,00	135,360	45	Đảm bảo	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	6,50	424,000	Tự do	-6,20	7,950	2	Không đảm bảo	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắk Wil	3,10	194,250	Tự do	-2,20	23,330	12	Đảm bảo	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắk Wil	6,05	614,060	Tự do	-2,80	198,030	32	Đảm bảo	
7	Hồ Ea Dier	Đắk Đrông	3,90	392,520	Tự do	<MNC			Không đảm bảo	Cuối vụ
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	6,70	919,500	Cửa van	-5,70	93,480	10	Không đảm bảo	Cuối vụ
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô							Không đảm bảo	Cuối vụ
170	TỔNG CỘNG:			126.569,310			90.625,144	71,60		